|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂNTHÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINHSỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHỤ LỤC**

**Các nội dung kiểm tra theo Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên** *(Đính kèm Kế hoạch số: /KH-SGDĐT ngày /3/2023 của Sở GDĐT)*

| **STT** | **Tiêu chí** | **Phòng/Trung tâm kiểm tra** **& Mức độ đánh giá** | **Ghi chú, minh chứng** | **Kết quả đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1.** | **Chuyển đổi số trong dạy, học** |  |   |  |
| 1.1. | Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến, ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức hoạt động giáo dục (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm) | **Phòng chuyên môn** | Văn bản | Điều kiện bắt buộc |
| 1.2. | Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến | **Phòng chuyên môn** | Văn bản | Điều kiện bắt buộc |
| 1.3. | Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS); Phòng học thông minh (cung cấp thông tin: Tên giải pháp, tự xây dựng/thuê/mua) Hệ thống LMS hoặc LCMS có triển khai các chức năng: | **Phòng chuyên môn và TTTT&CTGD** | Tên giải pháp | Đạt: có triển khaiChưa đạt: chưa triển khai |
| (1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học. | Tối đa 6 điểm: - Tạo nội dung cho khóa học: 2 điểm. - Theo dõi, giám sát quá trình học của học sinh: 2 điểm.- Thiết lập điều kiện tiên quyết cho nội dung bài học: 2 điểm. | Báo cáo kết quả thực hiện và nhật ký hệ thống | Đạt: >= 4 điểmChưa đạt: <4 điểm |
| (2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh. | Tối đa 6 điểm: - Có chức năng trao đổi và thảo luận: 3 điểm.- Có chức năng thống kê số lượng trao đổi và thảo luận: 3 điểm. | Báo cáo kết quả thực hiện và nhật ký hệ thống | Đạt: >= 3 điểmChưa đạt: <3 điểm |
| (3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên.   | Tối đa 6 điểm:- Có công cụ kiểm tra đánh giá: 1 điểm. - Công cụ kiểm tra đánh giá có hỗ trợ đa dạng câu hỏi: trắc nghiệm, đúng/sai, điền vào chỗ trống, nhiều đáp án đúng, câu hỏi trả lời bằng tập tin: 1 điểm. - Có công cụ xây dựng ngân hàng câu hỏi: 2 điểm.- Có công cụ xây dựng ma trận: 2 điểm. | Báo cáo kết quả thực hiện và nhật ký hệ thống | Đạt: >= 3 điểmChưa đạt: <3 điểm |
| (4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh; Số lượt tương tác của cha mẹ trẻ qua clip. | - Có ứng dụng theo dõi/ giám sát các hoạt động của học sinh | Báo cáo kết quả thực hiện và nhật ký hệ thống | Đạt: có triển khaiChưa đạt: chưa triển khai |
| (5) Có tích hợp phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp; Vận dụng đa dạng các phần mềm trong tổ chức hoạt động |  | Tên phần mềm | Đạt: có triển khaiChưa đạt: chưa triển khai |
| 1.4. | Số lượng học liệu được số hóa, clip xây dựng kho học liệu **(đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt)**. | **Phòng chuyên môn và TTTT&CTGD:**- Số lượng học liệu được số hóa **ít hơn 10%** tổng số lượng học liệu của từng môn theo khối: **2 điểm.**- Số lượng học liệu được số hóa **nhiều hơn 10% và ít hơn 20%**  tổng số lượng học liệu của từng môn theo khối: **4 điểm.** - Số lượng học liệu được số hóa **nhiều hơn 20% và ít hơn 35%** tổng số lượng học liệu của từng môn theo khối: **6 điểm.**- Số lượng học liệu được số hóa **nhiều hơn 35%** tổng số lượng học liệu của từng môn theo khối: **10 điểm.** | Báo cáo kết quả thực hiện và nhật ký hệ thốngTheo **Khoản 2 Điều 2 Thông tư 21/2017/TT-BGDĐT (có hiệu lực ngày 23/10/2017)** quy định: Học liệu số là tập hợp các phương tiện điện tử phục vụ dạy và học, bao gồm: Giáo trình điện tử, sách giáo khoa điện tử, tài liệu tham khảo điện tử, bài kiểm tra đánh giá điện tử, bản trình chiếu, bảng dữ liệu, các tệp âm thanh, hình ảnh, video, bài giảng điện tử, phần mềm dạy học, thí nghiệm mô phỏng và các học liệu được số hóa khác. | Đạt: >=4 điểmChưa đạt: <4 điểm |
| 1.5. | Có tổ chức triển khai kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính: có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN (cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm) | **Phòng chuyên môn**- Có tổ chức triển khai kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính **thường xuyên**: 10 điểm. - Có tổ chức triển khai kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính **định kỳ**: 5 điểm.  | Tên phần mềm, kết quả thực hiện | Đạt: >=5 điểmChưa đạt: <5 điểm |
| Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường | **TTTT&CTGD** | Báo cáo kết quả thực hiện và nhật ký hệ thống | Đạt: có triển khaiChưa đạt: chưa triển khai |
| 1.6. | Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số:Tỉ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu | **Phòng chuyên môn**- <30%: 2 điểm;- 30%-60%: 4 điểm;- >60%: 6 điểm;- Có giáo viên chuyên trách phụ trách CNTT: 1 điểm. | Báo cáo kết quả thực hiện | Đạt: >= 5 điểmChưa đạt: <5 điểm |
| Tỉ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học | **Phòng chuyên môn**- <30%: 2 điểm;- 30%-60%: 4 điểm;- >60%: 6 điểm. | - Có kế hoạch tham gia tập huấn chương trình về sử dụng công cụ đổi mới phương pháp dạy học.- Có sử dụng, khai thác công cụ đổi mới phương pháp dạy học.  |   |
| Tỉ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử | **Phòng chuyên môn**- <30%: 2 điểm;- 30%-60%: 4 điểm;- >60%: 6 điểm. | Có kế hoạch, phân công cụ thể |   |
| 1.7. | Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học:Tỉ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học. | **Phòng KHTC**- <50%: 2 điểm;- 50%-75%: 5 điểm;- >75%: 8 điểm. | Số liệu cơ sở vật chất và thông số kỹ thuật hệ thống, thiết bị(Đề án 762 về nâng cao năng lực Tin học cho HS phổ thông) | Đạt: >= 5 điểmChưa đạt: <5 điểm |
| Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học. | **Phòng KHTC** | Số liệu cơ sở vật chất và thông số kỹ thuật hệ thống, thiết bị(Đề án 762 về nâng cao năng lực Tin học cho HS phổ thông) | Đạt: đáp ứngChưa đạt: chưa đáp ứng |
| Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử). | **Phòng KHTC** | Số liệu cơ sở vật chất và thông số kỹ thuật hệ thống, thiết bị(Đề án 762 về nâng cao năng lực Tin học cho HS phổ thông) | Đạt: cóChưa đạt: chưa có |
| **2.** | **Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục** |  |   |   |
| 2.1. | Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại) | **Văn phòng Sở** | Quyết định/Kế hoạch | Điều kiện bắt buộc |
| 2.2. | Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số | **Văn phòng Sở** | Quyết định/Kế hoạch | Điều kiện bắt buộc |
| 2.3. | Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường với đầy đủ các phân hệ và có kết nối với CSDL ngành:+ Phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập).+ Phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV.+ Phân hệ quản lý cơ sở vật chất.+ Phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh.+ Phân hệ cổng thông tin điện tử.+ Sổ điểm điện tử, học bạ điện tử.  | **Văn phòng Sở**- Phần mềm sử dụng các phân hệ riêng lẻ, không kết nối với nhau (4 điểm).- Phần mềm có kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu giữa các phân hệ với nhau (6 điểm).\* Thiếu 1 phân hệ trừ 1 điểm (-1 điểm) | Quy chế, văn bản, kế hoạchTên đơn vị cung cấp hệ thống, phân hệ | Đạt: >=4 điểmChưa đạt: <4 điểm |
| Có kế hoạch sử dụng ngân sách phục vụ công tác chuyển đổi số của đơn vị.  | **Phòng KHTC** | Quyết định/Kế hoạch | Đạt: cóChưa đạt: chưa có |
| 2.4. | Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến:- Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web) | **TTTT&CTGD** | Đường link, quy chế, văn bản hướng dẫn | Đạt: có triển khaiChưa đạt: chưa triển khai |
| - Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến và phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục. | **Phòng KT&KĐCLGD** |
| - Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt. | **Phòng KHTC** |